

Số: 731 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Khu đô thị mới Giáp Nguột - Trại Cầu,  
xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 413/TTr-TNMT ngày 20/7/2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu đô thị mới Giáp Nguột - Trại Cầu, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Dĩnh Kế và xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thành phố Bắc Giang; UBND phường Dĩnh Kế; UBND xã Dĩnh Trì; Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN;
  - + Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
GIÁI DƯ ẢN KHU ĐÔ THỊ MỚI GIÁP NGUỘT- TRẠI CẦU,  
XÃ DĨNH TRÌ, THÀNH PHỐ BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 731 /QĐ-UBND ngày 22 /7/2022 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khu đô thị mới Giáp Nguột - Trại Cầu, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Dĩnh Kế và xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận tổ dân phố Giáp Nguột, phường Dĩnh Kế và thôn Cầu, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng mới công trình Hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án với quy mô 112.109m<sup>2</sup> bao gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, ga rác.

+ Công trình nhà ở: Xây thô hoàn thiện mặt tiền 58 căn nhà ở nằm trên các tuyến phố có mặt cắt đường từ 26m trở lên tại các phân lô LK.01, LK.02, LK.05, LK.06. Với quy mô cao 05 tầng, tổng diện tích xây dựng 5.069,5m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 25.348m<sup>2</sup>.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, ga rác.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 05 ha.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

**2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư:

+ Dự án chiếm khoảng 112.109m<sup>2</sup> đất, trong đó đất trồng lúa khoảng 51.336m<sup>2</sup>, đất mặt đất khoảng 25.568m<sup>2</sup>, đất cây xanh: 4.100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm: 307m<sup>2</sup>, đất giao thông: 30.798m<sup>2</sup>.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ kênh mương xây, đường bê tông hiện trạng.

- Hoạt động san nền; thi công, xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu:



+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, quá trình hàn, sơn, quá trình trải bê tông nhựa nóng

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công như nước thải từ bảo dưỡng thiết bị, vệ sinh thiết bị, dụng cụ, xịt rửa bánh xe... và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; từ hoạt động đào đắp san nền, từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động phá dỡ kênh mương xây, đường bê tông hiện trạng và chất thải rắn xây dựng thông thường, chất thải nguy hại.

## **2.2. Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng, dịch vụ:

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày;

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại bóng đèn huỳnh quang thải,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Chất thải phát sinh từ quá trình duy tu, sửa chữa công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp.

+ Nguy cơ chập cháy hệ thống điện,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,9 m<sup>3</sup>/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms...

+ Nước thải thi công phát sinh khoảng 4 m<sup>3</sup>/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đất san lấp và nguyên vật liệu thi công xây dựng; từ các máy móc, thiết bị thi công, xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{CO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,...

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền và đào đắp các hạng mục công trình; từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu, từ hoạt động thổi bụi, làm sạch mặt đường trước khi trải bê tông nhựa; từ quá trình sơn. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là  $\text{CO}$ ,  $\text{NO}_x$ , khói hàn.

+ Khí thải phát sinh trong quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là  $\text{CO}_2$ ,  $\text{CO}$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{VOC}$ ,  $\text{CH}_4$ .

### 3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 20 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật với khối lượng khoảng 56 tấn, tấn. Thành phần chủ yếu là lúa, rau màu,...

+ Chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét, đào, bóc tách bề mặt khoảng  $18.3548,75\text{m}^3$ , trong đó: Đất nạo vét hữu cơ khoảng  $11.680,9\text{m}^3$ , bùn khoảng  $6.667,85\text{m}^3$ .

+ Chất thải rắn như phát sinh từ quá trình phá dỡ kênh mương xây, đường bê tông hiện trạng phát sinh khoảng 1,5 tấn.

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng gồm chất thải của vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,... phát sinh khoảng 1,7 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải, gãy tay, giẻ lau, gãy tay nhiễm thành phần nguy hại,... phát sinh khoảng 158kg/tháng.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị, tham gia thi công, xây dựng; từ các phương tiện giao thông vận chuyển,... Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực; tác động vùng sản xuất nông nghiệp lân cận dự án; tác động đến hệ sinh thái,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện,...

## 3.2. Giai đoạn vận hành

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải



+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án và khu dân cư hiện trạng khoảng 360 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms,...

+ Nước mưa chảy tràn kéo theo chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Bụi, khí thải

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>...;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu trong khu đô thị có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

### 3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 2.113 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại phát sinh khoảng 68,3 tấn/năm.

- Chất thải rắn từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật: Chất thải từ chặt cành, cây xanh khoảng 10m<sup>3</sup>/năm (Sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão); bùn cặn phát sinh từ nạo vét cống, rãnh thoát nước mưa, nước thải khoảng 8,1m<sup>3</sup>/năm.

- Chất thải nguy hại

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của khu đô thị như bóng đèn huỳnh quang hỏng phát sinh khoảng 4,24 kg/tháng. Bên cạnh đó, khu đô thị còn có các loại đồ điện tử cũ hỏng,...Tuy nhiên loại chất thải này phát sinh không liên tục và không nhiều...

+ Dầu thải từ trạm biến áp khoảng 4.000 lít/04 năm (04 năm phải thay dầu 01 lần).

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông.

### 3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động do sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng; sự cố tắc cống thoát nước mưa và nước thải,...

## 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động có thiết kế đồng bộ hợp khối (bể xử lý 03 ngăn, dung tích 05m<sup>3</sup>/bể) đặt nổi để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Định kỳ 06 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn tại bể thải mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công



+ Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công.

- Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường.

- Bố trí khoảng từ 02 đến 03 thùng phuy chứa nước dung tích 200 lít/thùng phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng, đập bụi.

+ Đối với nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe: Bố trí 01 hệ thống tách dầu 02 bậc để xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ khu vực rửa xe, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho việc rửa xe hoặc tưới nước đập bụi. Hệ thống tách dầu mỡ tổng thể tích  $6\text{m}^3$  gồm 02 bể phân ly mỗi bể phân ly thể tích  $03\text{m}^3$ , mỗi bể phân ly được chia tiếp thành 02 ngăn mỗi ngăn thể tích  $1,5\text{m}^3$ .

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến cống rãnh thoát nước đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn giai đoạn đầu. Tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hố lửng thường xuyên.

+ Thi công các mương, cống thoát nước theo đúng thiết kế kỹ thuật của Dự án trước hoặc sau mùa mưa. Đối với những vị trí đào, đắp chưa kịp thi công cống, mương thoát nước kiên cố sẽ được xây dựng tuyến thoát nước mưa tạm thời riêng biệt với tuyến thu gom, thoát nước thải tại các công trường thi công và tại nhà điều hành, lán trại của công nhân. Các tuyến thoát nước mưa này sẽ được nạo vét định kỳ; đảm bảo bùn đất, rác thải không làm ảnh hưởng tới dòng chảy.

#### 4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió tránh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Xung quanh khu vực thi công tiến hành quây tường tôn cao 3m cách ly hoàn toàn khu vực thi công với khu vực xung quanh để hạn chế tác động do bụi, khí thải đồng thời hạn chế những tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra.

- Chủ Dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối để trải bê tông nhựa nóng (BTNN):

+ Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải bê tông nhựa nóng tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.



+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện thổi bụi và các công nhân làm việc trong khu vực này: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

+ Khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ. Tiến hành phun nước khoanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình thảm bê tông nhựa nóng: Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt. Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ,...cho công nhân.

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình hàn:

+ Thực hiện che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Trang bị bảo hộ lao động (kính, găng tay, khẩu trang ...) cho công nhân trực tiếp hàn.

+ Đối với bụi từ quá trình sơn tường nhà: Thực hiện quy trình sơn đúng kỹ thuật, sử dụng sơn nước được pha sẵn sau đó công nhân mới đưa lên cao để sơn đảm bảo tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế ảnh hưởng đến xung quanh cho nước sơn bị rơi rớt ra ngoài. Vào những ngày gió to không tiến hành sơn bên ngoài công trình. Công nhân làm việc trực tiếp được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,...

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa có dung tích 150 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải rắn thông thường

+ Đối với chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật: Được người dân thu gom làm thức ăn chăn nuôi, phân bón,...mức độ thu hồi chiếm khoảng 70%, tương đương 39,2 tấn, phần còn lại không tận dụng được, cần thu gom, vận chuyển xử lý khoảng 16,8 tấn. Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét, đào, bóc tách bề mặt: Sử dụng toàn bộ lượng đất đào để đắp vào các khu vực trũng, thấp trong dự án, đất đào hữu cơ tận dụng trồng cây xanh.

+ Đất đá thải phát sinh từ quá trình phá dỡ kênh mương xây, đường bê tông hiện trạng sẽ được đập nhỏ tận dụng để san nền các lô có diện tích ao cần san, đầm nền.

+ Đối với đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển được thu gom tận dụng đổ nền san lấp những khu vực trũng trong khu vực dự án.

+ Đối với các loại chất thải như đầu mẩu thép, tôn vỏ bao xi măng,...: Được thu gom, tận dụng bán cho cơ sở có nhu cầu sử dụng để tái chế.



+ Đối với các loại đất, đá thừa, gạch vỡ thừa,... từ quá trình thi công xây dựng được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

+ Đối với các chất thải không tận dụng được: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phuy có dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại kho chứa CTNH diện tích 04m<sup>2</sup> (*kho chứa có nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo*). Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Lập bảng đề ra các nội quy và đội kiểm tra về an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh môi trường và các quy chế phòng, chống cháy nổ trên công trường.

- Trang bị đầy đủ các đồ dùng và bảo hộ lao động cho công nhân; Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại các 02 đầu đoạn đường có khu vực công trường thi công để cảnh báo và tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm....

- Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (bình bọt, bình CO<sub>2</sub>, cát,...).

- Nhiên liệu được đựng hoặc chứa trong các thùng chuyên dụng, đảm bảo kín, không gây rò rỉ;

## 4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt



- Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ dự án và nước thải từ khu dân cư hiện trạng xung quanh sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại được xây dựng bên trong các công trình xây dựng được thu về các rãnh thoát nước phía sau nhà xây gạch kích thước B400, sau đó thu vào các giếng thu của mạng lưới cống thoát nước thải. Hướng thoát nước thải thoát theo hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam, kết nối với hệ thống cống D300 ngoài phố, sau đó được thu gom toàn bộ về trạm xử lý nước thải của thành phố Bắc Giang tại xã Tân Tiến với công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

\* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, thiết kế đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Toàn bộ nước mưa được thu gom từ Nam về Bắc và thoát về phía Tây về hệ thống thoát nước mưa của dự án sau đó thoát về khu phía Nam thành phố rồi đổ ra sông Thương.

Nước mưa được thu gom từ các hố thu (hoặc hố thăm thu kết hợp) rồi chảy vào các tuyến cống tròn BTCT có bề rộng từ D600mm đến D1500mm sau đó thoát về khu phía Nam thành phố rồi đổ ra sông Thương..

- Việc thu gom nước mưa ở mặt đường được thực hiện bởi các hố thu nước ven đường, khoảng cách trung bình giữa các hố là 30m. Cống nối từ hố thu nước mưa vào hố ga nước mưa bằng cống tròn BTCT D400mm. Nước mưa từ các lô nhà, các công trình... được dồn về các họng thu nước rồi chảy vào các hố thu hay hố thăm trên hệ thống thoát nước bên ngoài. Dọc theo hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga thăm thu kết hợp khoảng cách 20m đến 30m bố trí 1 hố ga,

#### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

- Không lưu giữ rác thải tại khu tập kết rác quá 01 ngày nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi do rác phân hủy.

#### 4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Đơn vị được giao quản lý dự án bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240 lít/thùng ven tuyến đường nội bộ, cứ khoảng 100 m bố trí 1 thùng. Bố trí ga rác diện tích 500m<sup>2</sup> tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án. Hàng ngày rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khuyến khích 1 lần/năm.



\* Đối với chất thải rắn phát sinh do quá trình duy tu bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật của dự án:

- Các loại chất thải rắn phát sinh như bùn đất, cây cối: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (đối với bùn nạo vét: định kỳ 1 năm/lần; đối với cây cối: vận chuyển khi phát sinh).

\* Thu gom quản lý chất thải nguy hại

- Đối với chất thải nguy hại tại hộ gia đình: Người dân chịu trách nhiệm thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Đối với dầu thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu trạm biến áp: Đơn vị quản lý vận hành thực hiện thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

#### 4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án. Cây xanh được trồng vây quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

#### 4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100m đến 200 m.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão. Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

#### 5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

##### 5.1.1. Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi,  $\text{NO}_2$ ,  $\text{SO}_2$ , CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

##### 5.1.2. Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tập trung nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực lán trại sau khi xử lý qua bể tự hoại trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông số giám sát: pH, BOD5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo  $\text{H}_2\text{S}$ ), nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ), Amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT cột B



Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

#### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 413/TTr-TNMT ngày 20/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.